

CTCP Đầu tư Phát triển xây dựng số 1 (UPCOM: DC1)

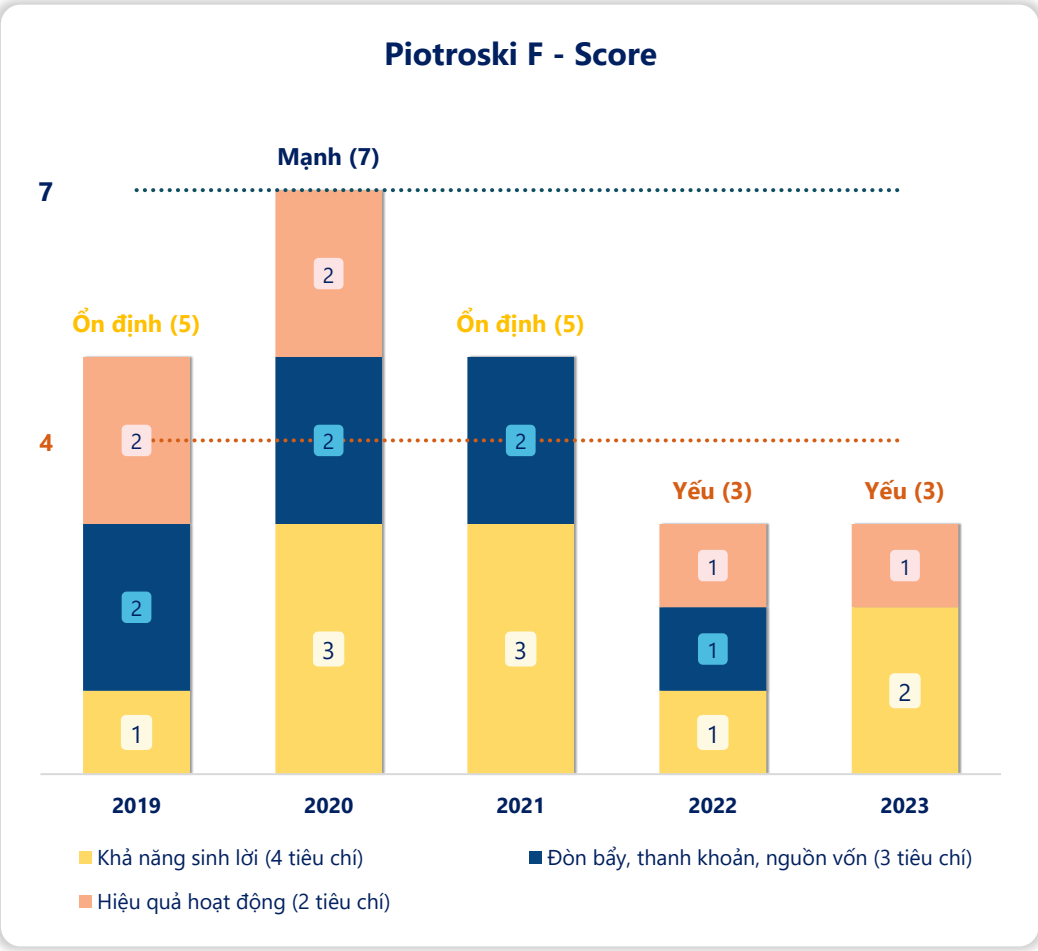
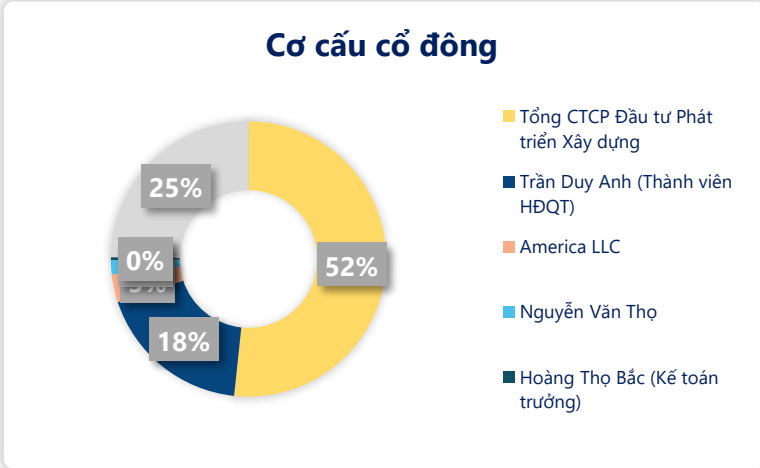
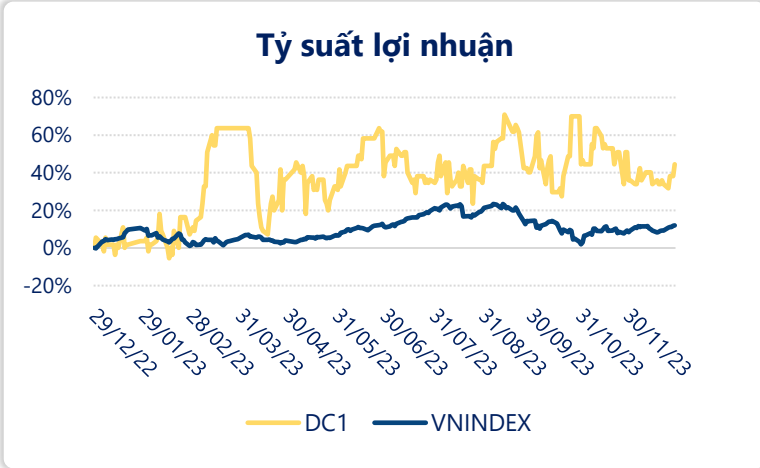
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	6,800 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.9%	1.5%	0.6%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
	(Yếu)

DT thuần	2023
	148
	tỷ VNĐ
	YoY
	▼ 109
	▼ 42.5%

LN sau thuế	2023
	-1.31
	tỷ VNĐ
	YoY
	▼ 3.76
	▼ 153%

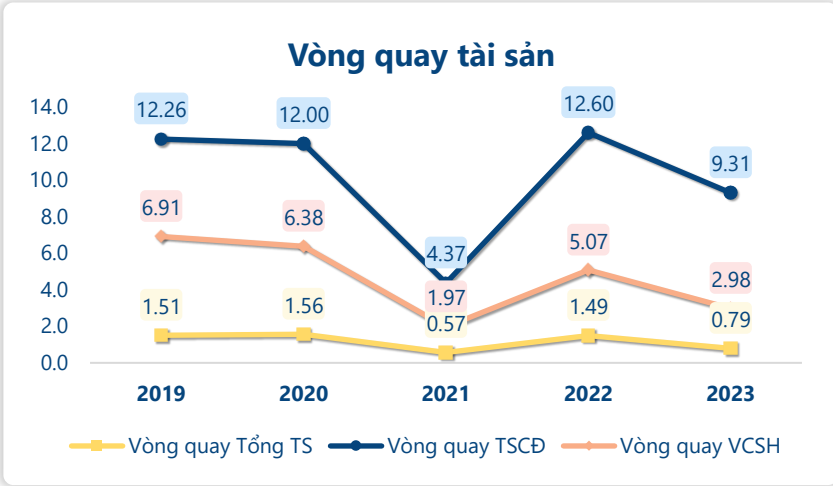
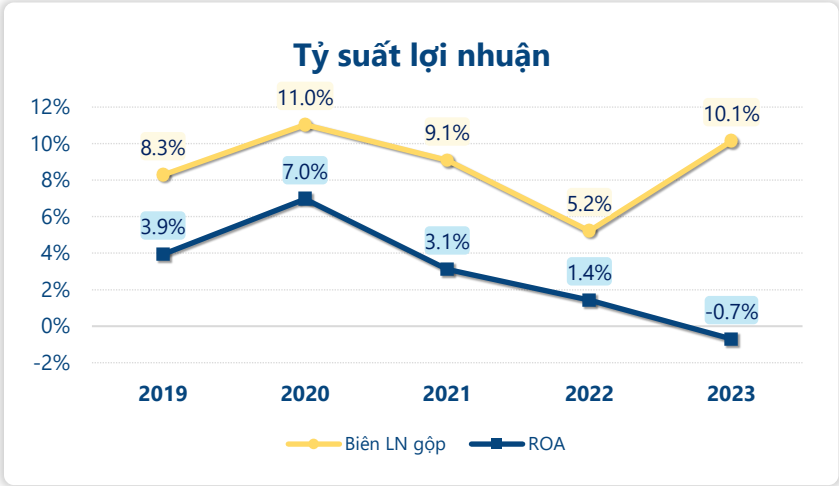
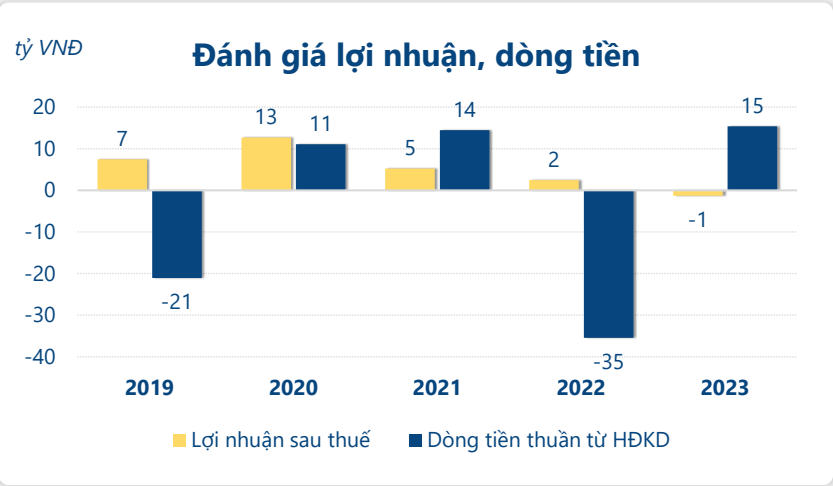


Năm 2023, F-Score của DC1 đạt 3/9 không đổi so với năm trước cho thấy sức khỏe tài chính chưa được cải thiện vẫn được đánh giá ở mức "yếu".

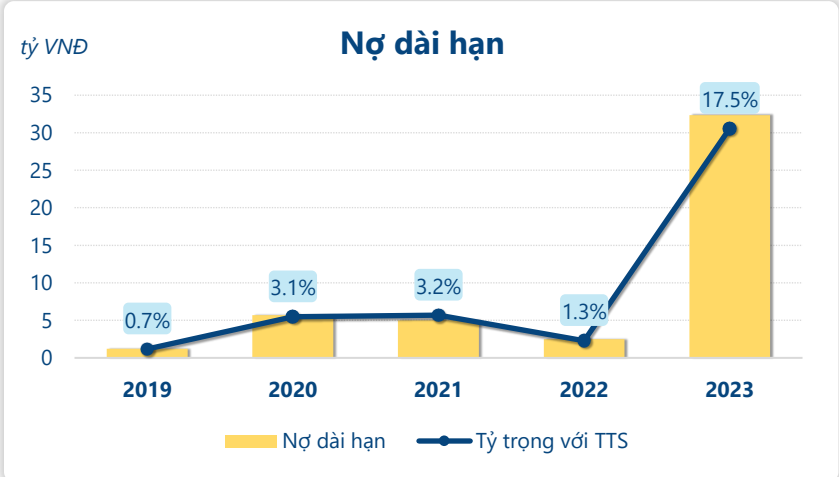
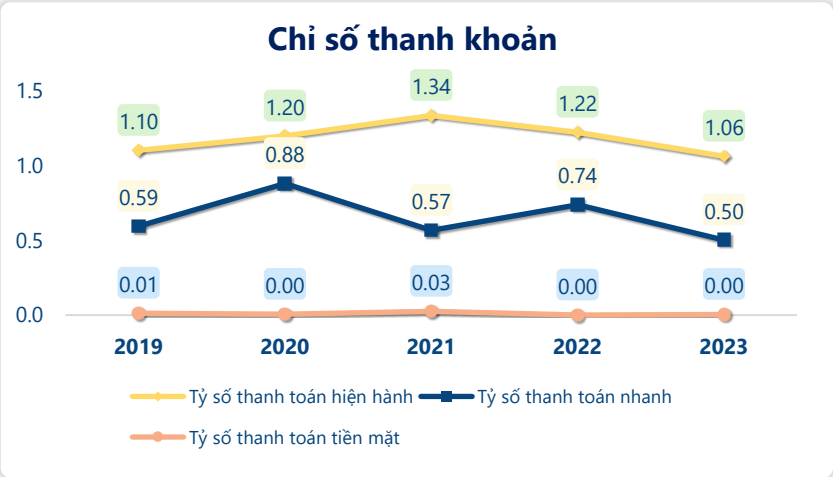
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện tăng lên 2/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không đạt tiêu chí nào 0/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Đầu tư Phát triển xây dựng số 1 (UPCOM: DC1)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của DC1: Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương cho thấy công ty vẫn đang tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, tuy nhiên các khoản lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế âm. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	185	189	-2.1%
Tài sản ngắn hạn	112	165	-32.5%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.06	613%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	50.7	99.7	-49.2%
Hàng tồn kho	58.9	65.7	-10.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.66	0.08	2061%
Tài sản dài hạn	73.5	23.7	210%
Phải thu dài hạn	48.7	0	
Tài sản cố định	10.3	21.4	-51.9%
Bất động sản đầu tư	12.3	0	
Tài sản dở dang	1.26	1.26	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.93	1.00	-7.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	137	138	-0.2%
Nợ ngắn hạn	105	135	-22.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.7	93.1	-6.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.86	28.3	-75.7%
Nợ dài hạn	32.3	2.49	1201%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	47.7	51.5	-7.2%
Vốn chủ sở hữu	47.7	51.5	-7.2%
Vốn điều lệ	45.0	40.9	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	285	285	95.6	257	148
Giá vốn hàng bán	262	254	86.9	243	133
Lợi nhuận gộp	23.6	31.4	8.68	13.4	15.0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.02	0.02	0.01	0.00
Chi phí TC	5.64	6.05	1.73	3.51	9.22
Chi phí lãi vay	5.64	6.05	1.73	3.51	9.22
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.87	10.3	7.76	8.32	7.86
LN thuần từ HĐKD	9.12	15.1	-0.79	1.57	-2.10
Lợi nhuận khác	0.22	0.78	7.65	1.51	2.57
LN trước thuế	9.35	15.9	6.86	3.08	0.46
Lợi nhuận sau thuế	7.44	12.7	5.25	2.45	-1.31
LNST của CĐ cty mẹ	7.44	12.7	5.25	2.45	-1.31

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.0	11.0	14.5	-35.4	15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.44	-3.35	9.56	-5.60	-6.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.0	-8.75	-22.1	38.6	-8.51
Tiền đầu kỳ	11.1	1.71	0.64	2.51	0.06
Lưu chuyển tiền thuần	-9.44	-1.06	1.87	-2.45	0.38
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.71	0.64	2.51	0.06	0.44